

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 /9 / 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Trương Phước Công;
 2. Bà Nguyễn Thị Ly.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 638/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1969; địa chỉ: Khóm 1, phường L, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp Q, xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai H trình bày, bà H và ông Phạm Văn T quen biết, tiến tới hôn nhân vào năm 1988, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, bà H, ông T có sinh con chung tên Phạm Phước H, sinh năm 1989, đã thành niên, có khả năng lao động; không có tài sản chung, nợ chung.

Sau khi kết hôn, bà H và ông T sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Bà H, ông T không còn sống chung từ năm 2004 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: bản sao giấy khai sinh của cháu Phạm Phước H, sinh ngày 10/12/1989 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Long Xuyên cấp.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn T trình bày, ông T và bà H quen biết rồi tiến tới hôn nhân vào năm 1988, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông T, bà H chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường cãi vã nhau. Ông T, bà H không còn sống chung từ năm 2005 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Phước H, sinh năm 1989, đã thành niên, có khả năng lao động. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Mai H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai H, ông Phạm Văn T cùng thống nhất, sau thời gian quen biết, bà H và ông T kết hôn vào năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét, bà H và ông T chung sống với nhau vào năm 1988. Mặc dù, có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà H, ông T không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà H và ông T là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông T xác định, trong thời gian chung sống, bà H, ông T có 01 con chung tên Phạm Phước H vào năm 1989. Do cháu H đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân và bà H, ông T không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Mai H và ông Phạm Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Do cháu Phạm Phước H, sinh năm 1989, đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mai H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0013339 ngày 17 tháng 7 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp; bà Phạm Thị Mai H đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Mai H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Phạm Văn T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Thái Chí Bình